

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2016
đã được soát xét



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban lãnh đạo	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét	5 – 34
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12 – 34

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001012 ngày 03 tháng 5 năm 2002, các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **27.000.000.000 đồng**.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016 được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 34).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT	Đại diện pháp luật của Công ty
Bà Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên	
Ông Hoàng Minh Thọ	Ủy viên	
Ông Trần Vũ Tuấn	Ủy viên	
Ông Phạm Ngọc Quý	Ủy viên	

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này là:

Bà Trần Thị Hoàng Liên Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban lãnh đạo (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực; chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2016

TM. Ban lãnh đạo

Chủ tịch HĐQT





BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO
CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được lập ngày 14 tháng 11 năm 2016, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Vang Thăng Long chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2016

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		78.203.264.463	86.078.304.624
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.010.276.348	3.759.584.178
1.	Tiền	111	V.01	3.010.276.348	3.759.584.178
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.327.214.246	32.269.727.102
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	6.851.007.057	25.450.640.884
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.975.214.776	3.919.258.761
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	2.500.992.413	2.899.827.457
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	63.037.383.270	49.954.529.723
1.	Hàng tồn kho	141		63.037.383.270	49.954.529.723
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		828.390.599	94.463.621
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	118.812.283	94.463.621
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		709.578.316	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.832.679.684	34.884.798.122
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		3.794.380.000	3.794.380.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		44.380.000	44.380.000
4.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	3.750.000.000	3.750.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		16.948.520.550	13.952.341.946
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	16.918.948.909	13.917.827.691
	- Nguyên giá	222		52.200.017.435	49.460.083.285
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(35.281.068.526)	(35.542.255.594)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	29.571.641	34.514.255
	- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(65.428.359)	(60.485.745)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.09	6.979.068.932	7.144.297.448
1.	Nguyên giá	231		8.261.425.803	8.261.425.803
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(1.282.356.871)	(1.117.128.355)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	2.372.831.549	2.213.122.373
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.372.831.549	2.213.122.373
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	3.804.692.452	4.300.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		3.100.000.000	3.100.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.200.000.000	1.200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(495.307.548)	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.933.186.201	3.480.656.355
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	3.933.186.201	3.480.656.355
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		116.035.944.147	120.963.102.746

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		91.694.008.453	89.822.553.724
I.	Nợ ngắn hạn	310		86.867.514.309	86.800.059.580
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3.251.856.326	2.574.881.496
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.336.069.663	12.975.338.066
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.034.750.177	7.605.119.267
4.	Phải trả người lao động	314		552.151.497	601.250.995
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	-	87.200.000
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.609.911.541	708.841.020
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	66.081.204.352	62.245.857.983
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.570.753	1.570.753
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		4.826.494.144	3.022.494.144
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	509.488.387	509.488.387
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14	-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	4.317.005.757	2.513.005.757
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		24.341.935.694	31.140.549.022
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	24.341.935.694	31.140.549.022
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.475.755.461	1.475.755.461
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.133.819.767)	2.664.793.561
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		54.793.561	21.161.652
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(4.188.613.328)	2.643.631.909
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		116.035.944.147	120.963.102.746

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Phạm Xuân Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	29.139.089.704	19.913.271.724
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	47.968.496	74.703.307
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		29.091.121.208	19.838.568.417
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	27.467.646.305	17.669.125.322
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.623.474.903	2.169.443.095
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	233.516.239	89.991.575
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	3.487.475.499	2.754.397.099
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.992.167.951	2.753.744.114
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	1.268.481.573	927.378.566
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	2.148.393.777	2.763.277.454
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.047.359.707)	(4.185.618.449)
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	909.090.909	1.000.203.788
12.	Chi phí khác	32	VI.07	48.434.530	163.365.707
13.	Lợi nhuận khác	40		860.656.379	836.838.081
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.186.703.328)	(3.348.780.368)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.910.000	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(4.188.613.328)	(3.348.780.368)

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2016

Người lập biểu



Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		49.884.158.948	40.261.500.685
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(39.110.610.719)	(31.411.917.265)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.898.458.263)	(3.711.345.849)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(3.112.901.626)	(2.347.917.843)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.910.000)	(455.711.356)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		-	53.598.021
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.170.448.778)	(11.293.114.832)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.410.170.438)	(8.904.908.439)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.052.000.000)	(2.092.164.500)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.000.000.000	1.069.090.909
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		233.516.239	89.991.575
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(818.483.761)	(933.082.016)

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		42.364.530.539	43.957.845.708
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(36.725.184.170)	(32.839.295.317)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.160.000.000)	(1.620.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.479.346.369	9.498.550.391
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(749.307.830)	(339.440.064)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.759.584.178	5.617.495.718
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		3.010.276.348	5.278.055.654

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Trần Thị Hoàng Liên



Trần Thị Hoàng Liên



Phạm Xuân Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/9/2016, Công ty có 02 chi nhánh là các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Thông tin về chi nhánh như sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
- Cửa hàng Kinh doanh tổng hợp	Số 181, Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thăng Long tại Ninh Thuận	Khu phố 8, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận

Tại ngày 30/9/2016, Công ty có 02 công ty con.

Thông tin về công ty con như sau:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối kỳ	Đầu năm
- Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con được xác định theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

03. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- TSCĐ hữu hình khác	08 - 12 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm
- Website	08 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa

25 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm chi phí đi vay vốn và Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Khoản chi phí trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	759.858.290	1.093.848.768
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.250.418.058	2.665.735.410
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>3.010.276.348</u>	<u>3.759.584.178</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	3.100.000.000	(495.307.548)	2.604.692.452	3.100.000.000	-	3.100.000.000
+ Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	3.000.000.000	(495.307.548)	2.504.692.452	3.000.000.000	-	3.000.000.000
+ Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000	-	100.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	1.200.000.000	-	1.200.000.000	1.200.000.000	-	1.200.000.000
+ Công ty Cổ phần Rượu Hapro ^(a)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long ^(b)	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000
Cộng	4.300.000.000	(495.307.548)	3.804.692.452	4.300.000.000	-	4.300.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/9/2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
+ Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	- Bán buôn, bán lẻ các sản phẩm rượu, đồ uống có cồn, không có cồn, hàng công nghệ.
+ Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	- Trong kỳ, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh

(a): Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty nắm giữ 100.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Rượu Hapro.

(b): Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty nắm giữ 20.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,76% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	6.851.007.057	25.450.640.884
- Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	4.168.656.550	22.161.244.843
- Xí nghiệp sản xuất hàng nhựa	2.238.962.808	2.288.962.808
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	443.387.699	1.000.433.233
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	6.851.007.057	25.450.640.884

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Công ty con	4.168.656.550	22.161.244.843
Cộng		4.168.656.550	22.161.244.843

04. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2.500.992.413	-	2.899.827.457	-
- Tạm ứng	988.723.888	-	1.093.260.417	-
- Phải thu khác	1.512.268.525	-	1.806.567.040	-
b) Dài hạn	3.750.000.000	-	3.750.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.750.000.000	-	3.750.000.000	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
Cộng	6.250.992.413	-	6.649.827.457	-

05. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	8.053.555.735	-	4.942.074.624	-
- Công cụ, dụng cụ	567.094.570	-	585.435.287	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	44.191.256.239	-	33.875.568.411	-
- Thành phẩm	6.202.392.894	-	6.294.781.798	-
- Hàng hoá	1.200.859.447	-	1.095.019.079	-
- Hàng gửi đi bán	2.822.224.385	-	3.161.650.524	-
Cộng	63.037.383.270	-	49.954.529.723	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	13.355.914.367	30.902.737.758	2.905.469.690	349.239.818	1.946.721.652	49.460.083.285
- Mua trong kỳ	-	3.964.181.818	-	-	-	3.964.181.818
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.224.247.668)	-	-	-	(1.224.247.668)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	13.355.914.367	33.642.671.908	2.905.469.690	349.239.818	1.946.721.652	52.200.017.435
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	9.679.323.439	22.823.143.090	1.530.949.395	323.188.082	1.185.651.588	35.542.255.594
- Khấu hao trong kỳ	179.836.890	591.437.034	110.771.916	4.624.062	76.390.698	963.060.600
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.224.247.668)	-	-	-	(1.224.247.668)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	9.859.160.329	22.190.332.456	1.641.721.311	327.812.144	1.262.042.286	35.281.068.526
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	3.676.590.928	8.079.594.668	1.374.520.295	26.051.736	761.070.064	13.917.827.691
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	3.496.754.038	11.452.339.452	1.263.748.379	21.427.674	684.679.366	16.918.948.909

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 21.852.127.306 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá theo sổ sách là 22.421.374.518 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng và Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	60.000.000	35.000.000	95.000.000
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	60.000.000	35.000.000	95.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	45.768.745	14.717.000	60.485.745
- Khấu hao trong kỳ	2.187.498	2.755.116	4.942.614
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	47.956.243	17.472.116	65.428.359
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	14.231.255	20.283.000	34.514.255
2. Tại ngày cuối kỳ	12.043.757	17.527.884	29.571.641

08. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Xây dựng cơ bản	2.372.831.549	2.213.122.373
+ Công trình 181 Lạc Long Quân	929.691.727	929.691.727
+ Công trình 45 Lạc Long Quân	-	973.659.328
+ Công trình 343 Lạc Long Quân	1.443.139.822	309.771.318
Cộng	2.372.831.549	2.213.122.373

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	8.261.425.803	-	-	8.261.425.803
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.261.425.803	-	-	8.261.425.803
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế	1.117.128.355	165.228.516	-	1.282.356.871
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	1.117.128.355	165.228.516	-	1.282.356.871
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	7.144.297.448	-	(165.228.516)	6.979.068.932
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	7.144.297.448	-	(165.228.516)	6.979.068.932
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

10. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	118.812.283	94.463.621
- Phí bảo hiểm	47.374.333	71.623.621
- Các khoản khác	71.437.950	22.840.000
b) Dài hạn	3.933.186.201	3.480.656.355
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	377.386.871	267.767.962
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	2.527.614.678	2.559.141.518
- Sửa chữa tài sản cố định	625.648.315	401.746.875
- Các khoản khác	402.536.337	252.000.000
Cộng	4.051.998.484	3.575.119.976

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	62.245.857.983	62.245.857.983	40.560.530.539	36.725.184.170	66.081.204.352	66.081.204.352
- Vay ngân hàng	40.551.784.376	40.551.784.376	36.980.342.349	31.852.190.512	45.679.936.213	45.679.936.213
+ Ngân hàng TM Cổ phần Quân Đội - Tây Hồ ^(a)	8.145.737.927	8.145.737.927	8.902.172.025	8.145.737.927	8.902.172.025	8.902.172.025
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng ^(b)	14.188.361.043	14.188.361.043	13.016.199.776	9.611.061.059	17.593.499.760	17.593.499.760
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(c)	18.217.685.406	18.217.685.406	15.061.970.548	14.095.391.526	19.184.264.428	19.184.264.428
- Vay đối tượng khác	20.718.253.771	20.718.253.771	3.384.188.190	4.352.296.855	19.750.145.106	19.750.145.106
+ Các cá nhân ^(d)	20.718.253.771	20.718.253.771	3.384.188.190	4.352.296.855	19.750.145.106	19.750.145.106
- Vay dài hạn đến hạn trả	975.819.836	975.819.836	196.000.000	520.696.803	651.123.033	651.123.033
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	583.819.836	583.819.836	-	324.696.803	259.123.033	259.123.033
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn	392.000.000	392.000.000	196.000.000	196.000.000	392.000.000	392.000.000
b. Vay dài hạn	2.513.005.757	2.513.005.757	2.000.000.000	196.000.000	4.317.005.757	4.317.005.757
Từ 1 năm đến 5 năm	2.513.005.757	2.513.005.757	2.000.000.000	196.000.000	4.317.005.757	4.317.005.757
- Vay ngân hàng	2.513.005.757	2.513.005.757	2.000.000.000	196.000.000	4.317.005.757	4.317.005.757
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(e)	1.043.005.757	1.043.005.757	2.000.000.000	-	3.043.005.757	3.043.005.757
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn ^(f)	1.470.000.000	1.470.000.000	-	196.000.000	1.274.000.000	1.274.000.000
Cộng	64.758.863.740	64.758.863.740	42.560.530.539	36.921.184.170	70.398.210.109	70.398.210.109

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(a): Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các loại nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thành phẩm rượu và quyền thuê đất tại địa chỉ số 343 đường Lạc Long Quân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, lãi suất vay trong kỳ là 8,9%/năm

(b): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng để bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh thanh toán, mở LC. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 03 xe ô tô, 03 xe nâng hàng, 108 tank inox, hợp đồng tiền gửi, 58 tank inox và thế chấp một số tài sản của ông Phạm Xuân Hà - Chủ tịch Hội đồng quản trị tại số 8A phố Đặng Tất, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội lãi suất vay trong kỳ là 9,7%/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (c): Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu sản xuất rượu vang, thành phẩm và quyền thuê đất tại kho Vĩnh Tuy, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội, lãi suất vay trong kỳ từ 8,6%/năm đến 9%/năm.
- (d): Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất trong kỳ là 7,5%/năm.
- (e): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thanh toán tiền mua Tank và ô tô. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm - 9,6%/năm
- (f): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn để thanh toán tiền mua máy chiết rót rượu vào chai. Khoản vay được đảm bảo bằng máy chiết rót rượu vào chai, lãi suất cố định 8,27%/năm

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	3.251.856.326	3.251.856.326	2.574.881.496	2.574.881.496
- Cty TNHH thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải phòng	1.182.327.300	1.182.327.300	2.266.127.325	2.266.127.325
- Công ty TNHH MTV Cường Thịnh	1.596.000.000	1.596.000.000	-	-
- Bà Nguyễn Thu Lan	351.526.000	351.526.000	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	122.003.026	122.003.026	308.754.171	308.754.171
b) Phải trả người bán dài hạn	509.488.387	509.488.387	509.488.387	509.488.387
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng & Công trình Kiến trúc Hà Nội	443.786.433	443.786.433	443.786.433	443.786.433
- Phải trả dài hạn cho các người bán khác	65.701.954	65.701.954	65.701.954	65.701.954
Cộng	3.761.344.713	3.761.344.713	3.084.369.883	3.084.369.883

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số tiền phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số tiền phải thu cuối kỳ	Số tiền phải nộp cuối kỳ
- Thuế GTGT đầu ra	-	237.436.813	868.181	238.304.994	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	6.865.223.480	191.778.217	5.710.000.000	-	1.347.001.697
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	445.362.785	1.910.000	1.910.000	-	445.362.785
- Thuế thu nhập cá nhân	-	57.096.189	195.408.624	10.119.118	-	242.385.695
Cộng	-	7.605.119.267	389.965.022	5.960.334.112	-	2.034.750.177

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	-	87.200.000
- Chi phí lãi vay	-	56.000.000
- Chi phí phải trả khác	-	31.200.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	-	87.200.000

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	1.609.911.541	708.841.020
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	26.610.807	59.946.983
- Bảo hiểm xã hội	60.980.478	59.720.011
- Bảo hiểm y tế	34.198.495	43.501.492
- Bảo hiểm thất nghiệp	20.950.416	20.155.355
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.467.171.345	525.517.179
+ Lãi vay phải trả	-	36.788.750
+ Các đối tượng khác	1.467.171.345	488.728.429
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.609.911.541	708.841.020

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	27.000.000.000	1.475.755.461	2.124.482.828	30.600.238.289
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	2.643.631.909	2.643.631.909
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	(2.103.321.176)	(2.103.321.176)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	27.000.000.000	1.475.755.461	2.664.793.561	31.140.549.022
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	(4.188.613.328)	(4.188.613.328)
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	(2.610.000.000)	(2.610.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	27.000.000.000	1.475.755.461	(4.133.819.767)	24.341.935.694

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 Công ty Cổ phần Vang Thăng Long số 01/CPVTL ngày 14 tháng 6 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
Vốn góp của Nhà nước	10.800.000.000	40	10.800.000.000	40
Vốn góp của các cổ đông khác	16.200.000.000	60	16.200.000.000	60
Cộng	27.000.000.000	100	27.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.000.000.000	27.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.160.000.000	1.620.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

f. Các quỹ của Công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.475.755.461	1.475.755.461
Cộng	1.475.755.461	1.475.755.461

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015
- Doanh thu bán hàng hóa	26.903.974.119	17.681.303.160
- Doanh thu bán thành phẩm	564.030.494	496.776.136
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.671.085.091	1.735.192.428
Cộng	29.139.089.704	19.913.271.724

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>			
	Mối quan hệ	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015
- Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Công ty con	647.612.723	284.832.210
Cộng		647.612.723	284.832.210
02. Các khoản giảm trừ doanh thu			
		Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015
- Chiết khấu thương mại		9.870.227	44.467.505
- Giảm giá hàng bán		-	-
- Hàng bán bị trả lại		38.098.269	30.235.802
Cộng		47.968.496	74.703.307
03. Giá vốn hàng bán			
		Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015
- Giá vốn của hàng hóa đã bán		26.872.826.106	17.336.003.255
- Giá vốn của thành phẩm đã bán		367.326.062	117.356.804
- Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư		227.494.137	215.765.263
Cộng		27.467.646.305	17.669.125.322
04. Doanh thu hoạt động tài chính			
		Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay		233.516.239	89.991.575
Cộng		233.516.239	89.991.575
05. Chi phí tài chính			
		Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015
- Lãi tiền vay		2.992.167.951	2.753.744.114
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư		495.307.548	-
- Chi phí tài chính khác		-	652.985
Cộng		3.487.475.499	2.754.397.099
06. Thu nhập khác			
		Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015
- Thu thanh lý tài sản cố định		909.090.909	1.000.203.788
Cộng		909.090.909	1.000.203.788

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí khác

	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015
- Các khoản bị phạt	46.500.131	163.236.240
- Các khoản khác	1.934.399	129.467
Cộng	48.434.530	163.365.707

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	2.148.393.777	2.763.277.454
- Chi phí nhân viên quản lý	608.431.282	1.279.638.337
- Chi phí đồ dùng văn phòng	56.351.318	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	41.076.066	41.576.066
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	406.405.160	264.913.863
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.036.129.951	1.177.149.188
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	1.268.481.573	927.378.566
- Chi phí nhân viên	671.197.502	675.521.665
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	93.895.479	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	64.908.396	64.408.396
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	166.185.492	29.396.547
- Chi phí khác bằng tiền	272.294.704	158.051.958
Cộng	3.416.875.350	3.690.656.020

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	1.910.000	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.910.000	-

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.426.059.204	9.065.576.877
- Chi phí nhân công	3.554.156.361	4.627.252.046
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.133.231.730	1.130.580.095
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	791.503.349	632.008.673
- Chi phí khác bằng tiền	2.789.511.715	3.664.660.744
Cộng	12.694.462.359	19.120.078.435

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016</u>	<u>Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015</u>
Tiền lương	107.868.892	201.240.655
Cộng	<u>107.868.892</u>	<u>201.240.655</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long

Mối quan hệ

Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Từ 01/4/2016 đến 30/9/2016</u>
<i>Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long</i>	
- Bán hàng hóa, thành phẩm	647.612.723
- Chiết khấu thương mại	6.656.543
- Giảm giá hàng bán	38.098.629

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long</i>		
+ Phải thu của khách hàng	4.168.656.550	22.161.244.843
Cộng nợ phải thu	<u>4.168.656.550</u>	<u>22.161.244.843</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa, bao bì;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản xuất	Thương mại	Kinh doanh bất động sản	Cộng
Từ ngày 01/4/2016 đến ngày 30/9/2016				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	516.061.998	26.903.974.119	1.671.085.091	29.091.121.208
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	485.663.345	33.042.129.806	610.687.764	34.138.480.915
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	30.398.653	(6.138.155.687)	1.060.397.327	(5.047.359.707)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	4.083.777.356	822.524.368	51.089.412	4.957.391.136
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	27.370.974	1.426.937.029	88.631.263	1.542.939.266
Số dư tại ngày 30/9/2016				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	62.531.992.533	37.457.883.317	9.231.099.497	109.220.975.347
- Tài sản không phân bổ				6.814.968.800
Tổng tài sản	62.531.992.533	37.457.883.317	9.231.099.497	116.035.944.147
- Nợ phải trả bộ phận	5.867.002.392	80.806.316.911	5.019.118.397	91.692.437.700
- Nợ phải trả không phân bổ				1.570.753
Tổng nợ phải trả	5.867.002.392	80.806.316.911	5.019.118.397	91.694.008.453

Khu vực địa lý kinh doanh:

Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Sản xuất	Thương mại	Kinh doanh bất động sản	Đơn vị tính: VND
Từ ngày 01/4/2015 đến ngày 30/9/2015				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	422.072.829	17.681.303.160	1.735.192.428	19.838.568.417
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác				-
- Chi phí phân bổ	252.563.072	23.000.009.215	771.614.579	24.024.186.866
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	169.509.757	(5.318.706.055)	963.577.849	(4.185.618.449)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.003.813.221	597.425.265	58.629.604	2.659.868.090
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	969.528.897	382.048.491	165.228.516	1.516.805.904
Số dư tại ngày 30/9/2015				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	61.834.508.485	34.291.817.080	9.900.194.322	106.026.519.887
- Tài sản không phân bổ	61.834.508.485	34.291.817.080	9.900.194.322	112.504.575.541
Tổng tài sản	61.834.508.485	34.291.817.080	9.900.194.322	112.504.575.541
- Nợ phải trả bộ phận	2.029.133.353	85.003.628.514	-	87.032.761.867
- Nợ phải trả không phân bổ				1.570.753
Tổng nợ phải trả	2.029.133.353	85.003.628.514	-	87.032.761.867

Khu vực địa lý kinh doanh:

Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.010.276.348	-	3.759.584.178	-	3.010.276.348	3.759.584.178
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.840.330.945	-	26.163.947.507	-	7.840.330.945	26.163.947.507
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	12.050.607.293	-	31.123.531.685	-	12.050.607.293	31.123.531.685

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	3.761.344.713	3.084.369.883	3.761.344.713	3.084.369.883
Vay và nợ	70.398.210.109	64.758.863.740	70.398.210.109	64.758.863.740
Chi phí phải trả	-	87.200.000	-	87.200.000
Các khoản phải trả khác	1.467.171.345	525.517.179	1.467.171.345	525.517.179
Cộng	75.626.726.167	68.455.950.802	75.626.726.167	68.455.950.802

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	3.251.856.326	509.488.387	-	3.761.344.713
Vay và nợ	66.081.204.352	4.317.005.757	-	70.398.210.109
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	1.467.171.345	-	-	1.467.171.345
Cộng	<u>70.800.232.023</u>	<u>4.826.494.144</u>	<u>-</u>	<u>75.626.726.167</u>
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	2.574.881.496	509.488.387	-	3.084.369.883
Vay và nợ	62.245.857.983	2.513.005.757	-	64.758.863.740
Chi phí phải trả	87.200.000	-	-	87.200.000
Các khoản phải trả khác	525.517.179	-	-	525.517.179
Cộng	<u>65.433.456.658</u>	<u>3.022.494.144</u>	<u>-</u>	<u>68.455.950.802</u>

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2016

Chủ tịch HĐQT



Phạm Xuân Hà

